

Nhằm hỗ trợ học sinh trong quá trình học môn Địa lý lớp 12 hiệu quả nhất, chúng tôi xin giới thiệu các bạn tham khảo **bộ tài liệu câu hỏi trắc nghiệm trắc nghiệm bài 30 Địa lý 12: Vấn đề phát triển ngành giao thông vận tải và thông tin liên lạc**. Giúp học sinh ôn tập, làm quen dạng bài trắc nghiệm. Nội dung chi tiết các em xem dưới đây.

Bộ 20 bài tập trắc nghiệm Địa Lí 12 Bài 30: Vấn đề phát triển ngành giao thông vận tải và thông tin liên lạc

Câu 1: Vận chuyển đường ống nước ta phát triển gắn liền với ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. khai thác và chế biến dầu khí.
- B. khai thác và chế biến khoáng sản.
- C. công nghiệp điện.
- D. chế biến lương thực thực phẩm.

Câu 2: Hai trục đường bộ xuyên quốc gia của nước ta là:

- A. Quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh.
- B. Đường Hồ Chí Minh và quốc lộ 14.
- C. Quốc lộ 14 và quốc lộ 1.
- D. Quốc lộ 1 và quốc lộ 6.

Câu 3: Trục đường xuyên quốc gia có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội dải đất phía Tây của đất nước là:

- A. đường 14.
- B. đường Hồ Chí Minh.
- C. đường 15.
- D. quốc lộ 1.

Câu 4: Tuyến đường sắt dài nhất nước ta là:

- A. Hà Nội – Hải Phòng.
- B. Hà Nội – Lào Cai.
- C. Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh.
- D. Hà Nội – Thái Nguyên.

Câu 5: Khó khăn chủ yếu của mạng lưới đường sông nước ta là:

- A. trang bị các cảng sông còn nghèo nàn.
- B. các phương tiện vận tải được cải tiến.

- C. nhiều thiên tai, phân hóa mực nước sông theo mùa.
- D. tổng năng lực bốc xếp của các cảng còn thấp.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết cảng biển nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc là:

- A. Kỳ Hà.
- B. Cái Lân.
- C. Vũng Tàu.
- D. Quy Nhơn.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết tuyến quốc lộ 1 không chạy qua vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C. Tây Nguyên.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết sân bay quốc tế Cát Bi thuộc tỉnh/ thành phố nào sau đây?

- A. Hà Nội.
- B. Đà Nẵng.
- C. Huế.
- D. Hải Phòng.

Câu 9: Loại hình nào dưới đây không thuộc về hoạt động Viễn thông ?

- A. Điện thoại.
- B. Thư, báo.
- C. Fax.
- D. Internet.

Câu 10: Hướng phát triển chủ đạo của ngành bưu chính trong thời gian tới là:

- A. đẩy mạnh các hoạt động công ích phục vụ xã hội.
- B. mở các hoạt động kinh doanh mới.
- C. cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa.
- D. tăng cường xây dựng các cơ sở văn hóa tại vùng nông thôn.

Câu 11: Loại hình vận tải nào sau đây phát triển sẽ phát huy được thế mạnh của vị trí địa lý nước ta trong hội nhập quốc tế?

- A. Đường biển và đường sông.
- B. Đường ô tô và đường sắt.
- C. Đường hàng không và đường biển.
- D. Đường ô tô và đường hàng không.

Câu 12: Trở ngại chính đối với việc xây dựng và khai thác hệ thống giao thông đường bộ nước ta là:

- A. khí hậu và thời tiết thất thường.
- B. phần lớn lãnh thổ là địa hình đồi núi.
- C. mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- D. thiếu vốn và cán bộ kỹ thuật cao.

Câu 13: Thuận lợi chủ yếu đối với phát triển vận tải đường biển nước ta không phải là:

- A. đường bờ biển dài, có nhiều vũng vịnh rộng, kín gió.
- B. trong biển có các dòng biển chảy theo mùa.
- C. có nhiều đảo và quần đảo ven bờ.
- D. vùng biển nước ta nằm trên đường hàng hải quốc tế.

Câu 14: Thành tựu của ngành Viễn thông nước ta về mặt khoa học công nghệ là:

- A. có nhiều nhà cung cấp dịch vụ viễn thông; số thuê bao tăng nhanh.
- B. điện thoại đã đến được hầu hết các xã trong toàn quốc.
- C. tăng trưởng với tốc độ cao.
- D. dùng mạng viễn thông với kỹ thuật số, tự động hóa cao và đa dịch vụ.

Câu 15: Những khó khăn chủ yếu làm tăng chi phí xây dựng và bảo dưỡng mạng lưới giao thông vận tải ở nước ta là:

- A. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, mưa lớn tập trung theo mùa.
- B. Địa hình nhiều đồi núi, thiên tai thất thường, mưa lớn tập trung theo mùa.
- C. Thiếu vốn đầu tư, cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành còn yếu kém.
- D. Đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật của ngành chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển của ngành.

Câu 16: Có vai trò quan trọng trong việc tạo mối liên kết kinh tế quan trọng giữa các vùng của nước ta là các tuyến

- A. đường biển quốc tế.
- B. giao thông theo hướng Bắc – Nam.
- C. vận tải chuyên môn hóa.
- D. đường theo hướng Tây – Đông.

Câu 17: Vùng nào sau đây có vận tải đường sông thuận lợi nhất và được sử dụng với cường độ cao nhất nước ta là:

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 18: Ngành hàng không nước ta có những bước tiến rất nhanh chủ yếu do

- A. hệ thống đào tạo phi công và nhân viên có chất lượng cao.
- B. hình thành được phong cách phục vụ chuyên nghiệp.
- C. có chiến lược phát triển phù hợp và nhanh chóng hiện đại hóa cơ sở vật chất.
- D. nguồn vốn đầu tư của nước ngoài.

Câu 19: Cho bảng số liệu:

Năm	Doanh thu (tỉ đồng)	Số thuê bao di động (nghìn thuê bao)		Số thuê bao internet (nghìn thuê bao)
		Cố định	Di động	
2010	182.182,6	12.740,9	111.570,2	3.643,7
2012	182.089,6	9.556,1	131.673,7	4.775,4
2015	366.812,0	5.900,0	120.324,1	7.657,6

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất để thể hiện tình hình hoạt động bưu chính viễn thông ở nước ta, giai đoạn 2010 – 2015?

- A. Cột.
- B. Đường.
- C. Miền.
- D. Kết hợp cột và đường.

Câu 20: Nhận định nào sau đây không đúng về tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự phát triển của ngành giao thông vận tải?

- A. Quy định sự có mặt của một số loại hình giao thông.
- B. Ảnh hưởng đến công tác thiết kế và khai thác công trình giao thông.
- C. Gây khó khăn, cản trở hoạt động giao thông vận tải.
- D. Quy định mật độ, hướng và cường độ vận chuyển.

Đáp án bộ 20 câu hỏi Địa 12 Bài 30 trắc nghiệm: Vấn đề phát triển ngành giao thông vận tải và thông tin liên lạc

Câu 1:

Đáp án cần chọn là: **A**

Giải thích:

Vận chuyển bằng đường ống ngày càng phát triển, gắn liền với sự phát triển của ngành dầu khí ⇒ gồm các đường ống dẫn khí ngoài thêm lục địa vào đất liền; vận chuyển xăng dầu...

Câu 2:

Đáp án cần chọn là: **A**

Giải thích:

Hai trục đường bộ xuyên quốc gia của nước ta là:

- Quốc lộ 1A dài 2300km, từ cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn) đến Năm Căn (Cà Mau).
- Tuyến đường Hồ Chí Minh dài trên 3000km.

Câu 3:

Đáp án cần chọn là: **B**

Giải thích:

Đường Hồ Chí Minh là trục đường xuyên quốc gia có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội dải đất phía Tây đất nước.

Câu 4:

Đáp án cần chọn là: **C**

Giải thích:

Tuyến đường sắt dài nhất nước ta là đường sắt Thống Nhất (Hà Nội – TP. HCM) dài 1726 km.

Câu 5:

Đáp án cần chọn là: **C**

Giải thích:

- Thiên tai (lũ lụt, mưa bão) làm cản trở hoạt động vận chuyển đường sông nước ta.
- Sự phân hóa mực nước sông theo mùa → vào mùa khô nước sông hạ thấp → hạn chế hoạt động của giao thông đường sông.

Câu 6:

Đáp án cần chọn là: **B**

Giải thích:

Căn cứ vào Atlas ĐLVN trang 30:

B1. Nhận biết kí hiệu cảng biển.

B2. Xác định được cảng biển nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc là: cảng Cái Lân (Quảng Ninh)

Câu 7:

Đáp án cần chọn là: **C**

Giải thích:

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23:

B1. Xác định vị trí tuyến quốc lộ 1 (từ Lạng Sơn đến Cà Mau)

B2. Đọc tên các vùng kinh tế mà Quốc lộ 1 chạy qua, gồm: Trung du miền núi Bắc Bộ, đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.

Riêng Tây Nguyên nằm ở phía Tây lãnh thổ, không có quốc lộ 1 chạy qua.

Câu 8:

Đáp án cần chọn là: **D**

Giải thích:

Căn cứ vào Atlas ĐLVN trang 23:

B1. Nhận biết kí hiệu sân bay.

B2. Xác định vị trí sân bay Cát Bi → thuộc Hải Phòng.

Câu 9:

Đáp án cần chọn là: **B**

Giải thích:

Căn cứ vào Atlas ĐLVN trang 23:

B1. Nhận biết kí hiệu sân bay.

B2. Xác định vị trí sân bay Cát Bi → thuộc Hải Phòng.

Câu 10:

Đáp án cần chọn là: **C**

Giải thích:

Hướng phát triển chủ đạo của ngành bưu chính trong thời gian tới là: *cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa* nhằm đạt trình độ hiện đại ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực.

Câu 11:

Đáp án cần chọn là: **C**

Giải thích:

Nước ta tiếp giáp với biển Đông, nằm ở khu vực trung tâm của Đông Nam Á

⇒ Vị trí địa lí nằm gần các tuyến đường hàng không và hàng hải quốc tế

⇒ Trong tương lai phát triển vận tải đường hàng không và đường biển sẽ phát huy thế mạnh vị trí địa lí của vùng, thúc đẩy quá trình giao lưu hội nhập quốc tế của nước ta.

Câu 12:

Đáp án cần chọn là: **B**

Giải thích:

Giao thông đường bộ phụ thuộc trực tiếp vào đặc điểm địa hình.

⇒ Nước ta có $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ là đồi núi → địa hình dốc, hiểm trở gây khó khăn cho hoạt động xây dựng và khai thác các tuyến giao thông đường bộ, đặc biệt là các tuyến đông – tây.

Câu 13:

Đáp án cần chọn là: **B**

Giải thích:

Nước ta có đường bờ biển dài, có nhiều vũng vịnh kín gió để xây dựng hệ thống các cảng biển từ Bắc vào Nam.

- Vùng biển nằm trên đường hàng hải quốc tế → thúc đẩy vận tải biển quốc tế.

- Các đảo và quần đảo ven bờ là nơi neo đậu của tàu thuyền ngoài khơi, kiểm soát các tuyến giao thông quan trọng của nước ta.

⇒ Đây là những mặt thuận lợi để phát triển đường biển ở nước ta.

⇒ Loại đáp án A, C, D

- Các dòng chảy theo mùa chủ yếu ảnh hưởng đến các luồng sinh vật biển và điều kiện khí hậu vùng ven bờ nó chảy qua. Đây không phải là điều kiện thuận lợi cho giao thông đường biển.

Câu 14:

Đáp án cần chọn là: **D**

Giải thích:

Ngành Viễn thông nước ta đã dùng mạng viễn thông với kỹ thuật số, tự động hóa cao và đa dịch vụ.

⇒ đây là thành tựu lớn về mặt khoa học công nghệ.

Câu 15:

Đáp án cần chọn là: **B**

Giải thích:

Mạng lưới giao thông nước ta (đặc biệt đường bộ, đường sông) gặp nhiều trở ngại về điều kiện tự nhiên như:

- Địa hình nhiều đồi núi

⇒ khó khăn cho hoạt động giao thông đường bộ (đặc biệt các tuyến đông - tây) và đòi hỏi chi phí xây dựng lớn.

- Thiên tai thất thường, mưa lớn dễ làm các công trình giao thông bị hạn hán, hỏng hóc, xuống cấp (đặc biệt là bão, xói lở đất đai)

⇒ chi phí bảo dưỡng lớn.

Câu 16:

Đáp án cần chọn là: **A**

Giải thích:

Hệ sinh thái vùng ven biển nước ta chiếm ưu thế nhất là rừng ngập mặn, diện tích tới 450 nghìn ha, riêng Nam Bộ là 300 nghìn ha, lớn thứ 2 thế giới sau rừng ngập mặn Amadôn.

Câu 17:

Đáp án cần chọn là: **B**

Giải thích:

Lãnh thổ nước ta hẹp ngang và trải dài thềm chiều bắc - nam

⇒ Vì vậy các tuyến giao thông bắc - nam đóng vai trò quan trọng trong việc tạo mối liên kết kinh tế giữa các vùng của nước ta, được xem như là trục xương sống của cả nước.

Câu 18:

Đáp án cần chọn là: **B**

Giải thích:

- Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có mạng lưới sông ngòi kênh rạch chằng chịt nhất nước ta, lớn nhất là hệ thống sông Cửu Long (sông Tiền – sông Hậu).

- Phần lớn sông chảy qua nền địa hình bằng phẳng.

⇒ Đây là vùng có hoạt động vận tải đường sông phát triển nhất nước ta.

Vùng đồng bằng sông Cửu Long nổi tiếng với hoạt động chợ nổi trên sông hoạt động sầm uất (chủ yếu trao đổi nông sản như hoa quả, thủy sản...)

Câu 19:

Đáp án cần chọn là: **D**

Giải thích:

Căn cứ vào kỹ năng nhận dạng biểu đồ: biểu đồ kết hợp thường thể hiện tình hình phát triển của các đối tượng có đơn vị khác nhau (2 đơn vị khác nhau)

⇒ Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình hoạt động bưu chính viễn thông ở nước ta giai đoạn 2010 – 2015 là: biểu đồ kết hợp cột và đường.

Câu 20:

Đáp án cần chọn là: **D**

Giải thích:

- Các nhân tố tự nhiên có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của ngành GTVT:

+ **Địa hình: ảnh hưởng đến công tác thiết kế và khai thác công trình giao thông:** Địa hình nhiều đồi đòi hỏi xây dựng các tuyến đường bộ quanh co, các đường hầm xuyên núi, công trình chống trượt lở đất...; các vùng vịnh kín gió là điều kiện để xây dựng các cảng biển.

+ **ĐKTN quy định sự có mặt của các loại hình giao thông:** mạng lưới sông ngòi dày đặc là cơ sở phát triển giao thông đường sông, nước ta tiếp giáp vùng biển rộng lớn là cơ sở phát triển vận tải biển...; sông ngòi nhiều cũng cần đầu tư nhiều cầu phà qua sông.

+ **Khí hậu và thời tiết ảnh hưởng tới các hoạt động vận tải,** nhất là mùa mưa bão, hiện tượng sương mù.

- Khách hàng (nhân tố kinh tế - xã hội) quy định hướng, mật độ và cường độ vận chuyển của giao thông vận tải thông qua những yêu cầu về chất lượng, cự li, thời gian, tốc độ vận chuyển.....

⇒ Nhân tố tự nhiên không tác động đến hướng, mật độ và cường độ vận chuyển của GTVT